

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HS-ST
Ngày: 06 - 4 - 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Nhị và Ông Đỗ Văn Chân

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Quản Văn Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Văn L (tên gọi khác: Không), sinh năm 1983 tại Hưng Yên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn P, xã H, huyện M, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn V, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; bị cáo có vợ là chị Đoàn Thị H, sinh năm 1983 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2005;

Tiền án 01: Ngày 07/11/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Tại Bản án số 121/2018/HS-ST ngày 07/11/2018).

Tiền sự 01: Ngày 20/8/2020, bị Công an xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước xử phạt hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

Nhân thân:

Ngày 28/6/2011, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy” (Tại Bản án số 35/2011/HSST ngày 28/6/2011).

Ngày 07/8/2013, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh giáo dục - Lao động xã hội tỉnh

Bình Phước số 2116/QĐ-UBND thời hạn 24 tháng. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2020 cho đến nay “bị cáo có mặt”.

Người bị hại:

Ông Nguyễn Phi T, sinh năm 1959; nơi cư trú tổ 02, khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có đơn xin vắng mặt”.

Người làm chứng:

Ông Hoàng Văn A, sinh năm 1985; nơi cư trú ấp S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

Ông Nguyễn Phi V, sinh năm 1970; nơi cư trú khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

Ông Nguyễn Phú H, sinh năm 1984; nơi cư trú tổ 02, khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa tháng 10/2020 Lê Văn L đi từ xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước đến thành phố Đ sống lang thang. Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 26/10/2020 L đang đi trên đường Quốc lộ 14 thì gặp người bạn mới quen tên Hoàng Văn A ở bàn ghế đá trước quán cà phê “Thùy D” thuộc tổ 3, khu phố X, phường T, thành phố Đ. Lúc này L rủ A đi tìm tài sản của người dân sơ hở để trộm cắp tài sản thì A đồng ý. L và A đi bộ trên đường quốc lộ 14 hướng Cầu 02 rồi rẽ vào khu vực vườn rau “Bảy M”, thuộc tổ 02, khu phố X, phường T, thành phố Đ thì thấy vườn bưởi của ông Nguyễn Phi T không có người trông coi. Lúc này L nhặt được bao đựng rác ở bên đường rồi cùng A vào vườn nhà của anh T hái trộm bưởi. Khi A hái được 08 trái bưởi còn L hái được 02 quả bưởi thì bị anh T cùng người dân phát hiện truy đuổi bắt giữ.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ 10 quả bưởi da xanh nặng 9,5kg.

Ngày 04/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Nguyễn Phi T số lượng quả bưởi thu giữ là 10 quả bưởi da xanh

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 182 ngày 03/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng thành phố Đ định giá: 10 trái bưởi da xanh có trọng lượng 9,5kg trị giá 427.500 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 08/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51;

điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn L mức án tù 09 đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo Lê Văn L tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 08/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với kết luận điều tra, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng hoàn cảnh chiều tối nên khoảng 18 giờ 30 phút ngày 26/10/2020 Lê Văn L và Hoàng Văn A đã vào khu vực vườn rau Bảy M, thuộc tổ 02, khu phố X, phường T, thành phố Đ rồi lén lút vào vườn của ông Nguyễn Phi T hái trộm bưởi, khi A hái được 08 trái bưởi còn L hái được 02 quả bưởi thì bị ông T cùng người dân phát hiện bắt giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 182 ngày 03/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thành phố Đ định giá: 10 trái bưởi da xanh có trọng lượng 9,5kg trị giá 427.500 đồng.

Mặc dù tài sản bị cáo L và Hoàng Văn A chiếm đoạt có giá trị dưới 2.000.000 đồng, tuy nhiên bị cáo L đã bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, chưa được xóa lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng hoàn cảnh chiều tối, sơ hở của chủ sở hữu để lén lút chiếm đoạt tài sản là hành vi phạm tội nhưng vì mục đích tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng mà bị cáo và anh Hoàng Văn A vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, khách thể được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có 01 tiền án: Ngày 07/11/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước xử phạt 18 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này bị cáo còn phải chịu thêm tình tiết tăng nặng hình phạt là “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo là đối tượng sống lang thang, nhiều lần bị xử phạt hành chính về các tội phạm liên quan chiếm đoạt tài sản và ma túy. Vì vậy cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Bị cáo được xem xét tình tiết giảm nhẹ hình phạt trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã thu hồi trả lại cho người bị hại nên chưa gây thiệt hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét trong việc lượng hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

Đối với anh Hoàng Văn A do tài sản anh An chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Do người bị hại ông Nguyễn Phi T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bị cáo L phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Do tài sản của người bị hại đã được thu hồi và trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L **09** (Chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/10/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An